TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/DS-ST
Ngày 21-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị N, sinh năm 1980; căn cước công dân số 096180004027 ngày cấp 12/8/2021; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Hồng N1, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau. Là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 03/9/2025); có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Hồng C, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ C1, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn bà Võ Hồng N1 trình bày: Bà N là chủ hụi, ông Lê Hồng C, bà Nguyễn Thị Mỹ C1 là hụi viên, ông C, bà C1 nợ ông bà tiền hụi cụ thể sau:

1. Dây hụi mở ngày 25 tháng 8 năm 2020 âm lịch, loại 2.000.000 đồng, có 30 phần hụi (chân hụi), mỗi tháng khui hụi một lần, bị đơn tham gia 02 phần, chân thứ nhất hốt kỳ đầu tiên, chân thứ hai hốt kỳ thứ ba, sau khi hốt hụi xong có đống hụi chết nhưng chưa đầy đủ, dây hụi đã mãn, số tiền bị đơn còn nợ hụi chết đối với dây hụi này 18 kỳ x 2 chân x 2.000.000 đồng = 72.000.000 đồng.

2. Dây hụi mở ngày 15 tháng 7 năm 2018 âm lịch, loại 10.000.000 đồng, có 20 phần hụi, sáu tháng khui hụi một lần, bị đơn tham gia 01 phần, đã hốt xong tại kỳ hụi thứ 06 nhưng chưa đóng hụi chết đầy đủ, hiện phát sinh nghĩa vụ chưa thực hiện là 09 kỳ hụi chết. Dây hụi chưa mãn, hiện còn lại 05 kỳ; số tiền yêu cầu là 09 kỳ x 10.000.000 đồng = 90.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi nguyên đơn yêu cầu là 72.000.000 đồng + 90.000.000 đồng = 162.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà C1 trả số tiền nợ hụi nêu trên, không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra còn đề nghị về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Cao Thị N khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ hoạt động hụi nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Hồng C, bà Nguyễn Thị Mỹ C1 cư trú tại xã K, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Hồng C, bà Nguyễn Thị Mỹ C1 vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà N cho rằng ông C bà C1 có nợ của mình tổng số tiền hụi 162.000.000 đồng xuất phát từ nghĩa vụ đến hạn cho hai dây hụi do nguyên đơn làm chủ hụi; gồm dây hụi mở ngày 25/8/2020 hiện đã mãn số tiền nợ là 72.000.000 đồng và dây hụi mở ngày 15/7/2018 hiện chưa mãn số tiền nợ tính đến thời điểm giải quyết vụ án là 09 kỳ hụi chết số tiền 90.000.000 đồng, dây hụi hiện còn lại 05 kỳ cho đến khi mãn hụi. Mặc dù ông C bà C1 không có ý kiến về việc giải quyết vụ án nhưng theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 07 tháng 11 năm 2025 toà ghi nhận ý kiến trình bày của bà Hồ Thị Tiểu M, Nguyễn Thị T, Trương Bích T1, Võ Thị N2, Võ Thị K là những người tham gia các dây hụi nêu trên cùng với ông C bà C1 do nguyên đơn làm chủ hụi. Ý kiến trình bày của những người này đều thống nhất với thông tin chưng hụi và dây hụi như nguyên đơn trình bày và xác định hiện ông C bà C1 còn nợ lại tiền hụi chết đối với nguyên đơn. Như vậy, việc bà N khởi kiện yêu cầu ông C bà C1 trả tiền nợ hụi là có căn cứ nên áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, buộc ông C bà C1 trả số tiền nợ hụi là 162.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với các kỳ hụi còn lại tính từ thời điểm xét xử đến khi mãn hụi của dây hụi mở ngày 15/7/2018, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đến hạn thì nguyên đơn có quyền khởi kiện đối với các kỳ hụi còn lại của dây hụi này theo quy định pháp luật dân sự.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C bà C1 phải chịu 162.000.000 đồng x 5% = 8.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Hồng C, bà Nguyễn Thị Mỹ C1 trả cho bà Cao Thị N số tiền nợ hụi 162.000.000 (một trăm sáu mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi

thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Lê Hồng C, bà Nguyễn Thị Mỹ C1 phải chịu 8.100.000 (tám triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Cao Thị N số tiền là 5.050.000 (năm triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp theo lai thu tiền số 0002318 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp